CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN EVS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 418 /2026/DMKQ-EVS

Hà Nội, ngày ..05. tháng 11 năm 2026

BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 10 NĂM 2026

Kính gửi: Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Công ty cổ phần chứng khoán EVS xin báo cáo Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 10 năm 2026 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1			DHP	DHP
2			MAS	MAS
3			PTD	PTD
4			SGD	SGD
5			SMT	SMT
6			VNT	VNT
7	ADC			ADC
8	ALT			ALT
9	AMC			AMC
10	ARM			ARM
11	ATS			ATS
12	BAB			BAB
13	BAX			BAX
14	BBS			BBS
15	BCF			BCF
16	BED			BED
17	BKC			BKC
18	BPC			BPC
19	BTW			BTW
20	BVS			BVS
21	BXH			BXH
22	C69			C69
23	CAG			CAG
24	CAP			CAP
25	CCR			CCR
26	CEO			CEO
27	CIA			CIA
28	CJC			CJC
29	CKV			CKV
30	CLH			CLH
31	CLM			CLM
32	CMS			CMS
33	CPC			CPC
34	CSC			CSC
35	CST			CST
36	CTB			CTB

37	CTP			CTP
38	CTT			CTT
39	D11			D11
40	DAD			DAD
41	DC2			DC2
42	DHT			DHT
43	DIH			DIH
44	DL1			DL1
45	DNC			DNC
46	DNP			DNP
47	DP3			DP3
48	DST			DST
49	DTD			DTD
50	DTG			DTG
51	DTK			DTK
52	DXP			DXP
53	EBS			EBS
54	EID			EID
55	GDW			GDW
56	GIC			GIC
57	GLT			GLT
58	GMX			GMX
59	HAD			HAD
60	HAT			HAT
61	HCC			HCC
62	HDA			HDA
63	HGM			HGM
64	HHC			HHC
65	HJS			HJS
66	HKT			HKT
67	HLC			HLC
68	HLD			HLD
69	HMH			HMH
70	HMR			HMR
71	HTC			HTC
72	HUT			HUT
73	HVT			HVT
74	ICG			ICG
75	IDC			IDC
76	IDV			IDV
77	INC			INC
78	INN			INN
79	IPA			IPA
80	ITQ			ITQ
81	IVS			IVS
82	KHS			KHS
83	KKC			KKC
84	KMT			KMT
85	KSF			KSF
86	KST			KST
87	KSV			KSV
88	KTS			KTS
89	L14			L14
90	L18			L18
91	L40			L40
92	LAS			LAS
93	LBE			LBE
94	LHC			LHC
95	MAC			MAC

96	MBG			MBG
97	MBS			MBS
98	MCC			MCC
99	MCF			MCF
100	MCO			MCO
101	MDC			MDC
102	MEL			MEL
103	MKV			MKV
104	MST			MST
105	MVB			MVB
106	NAG			NAG
107	NAP			NAP
108	NBC			NBC
109	NBW			NBW
110	NDN			NDN
111	NDX			NDX
112	NET			NET
113	NFC			NFC
114	NHC			NHC
115	NSH			NSH
116	NST			NST
117	NTH			NTH
118	NTP			NTP
119	ONE			ONE
120	PBP			PBP
121	PCE			PCE
122	PCH			PCH
123	PCT			PCT
124	PDB			PDB
125	PGS			PGS
126	PHN			PHN
127	PIA			PIA
128	PIC			PIC
129	PJC			PJC
130	PLC			PLC
131	PMB			PMB
132	PMC			PMC
133	PMP			PMP
134	PMS			PMS
135	POT			POT
136	PPP			PPP
137	PPS			PPS
138	PPT			PPT
139	PPY			PPY
140	PRC			PRC
141	PRE			PRE
142	PSC			PSC
143	PSD			PSD
144	PSE			PSE
145	PSI			PSI
146	PSW			PSW
147	PTI			PTI
148	PTS			PTS
149	PTX			PTX
150	PVB			PVB
151	PVC			PVC
152	PVG			PVG
153	PVI			PVI
154	PVS			PVS

155	QHD			QHD
156	QST			QST
157	RCL			RCL
158	S55			S55
159	S99			S99
160	SAF			SAF
161	SCG			SCG
162	SCI			SCI
163	SD5			SD5
164	SD9			SD9
165	SDN			SDN
166	SEB			SEB
167	SED			SED
168	SFN			SFN
169	SGC			SGC
170	SGH			SGH
171	SHE			SHE
172	SHS			SHS
173	SJ1			SJ1
174	SJE			SJE
175	SLS			SLS
176	SMN			SMN
177	STC			STC
178	STP			STP
179	SZB			SZB
180	TA9			TA9
181	TD6			TD6
182	TDT			TDT
183	TET			TET
184	TFC			TFC
185	THB			THB
186	THD			THD
187	THS			THS
188	THT			THT
189	TIG			TIG
190	TJC			TJC
191	TKU			TKU
192	TMB			TMB
193	TMC			TMC
194	TMX			TMX
195	TNG			TNG
196	TOT			TOT
197	TPP			TPP
198	TTC			TTC
199	TTL			TTL
200	TTT			TTT
201	TV3			TV3
202	TV4			TV4
203	TVD			TVD
204	V12			V12
205	V21			V21
206	VBC			VBC
207	VC1			VC1
208	VC3			VC3
209	VC6			VC6
210	VC7			VC7
211	VCC			VCC
212	VCM			VCM
213	VCS			VCS

214	VDL			VDL
215	VFS			VFS
216	VGP			VGP
217	VGS			VGS
218	VHE			VHE
219	VIF			VIF
220	VLA			VLA
221	VMS			VMS
222	VNC			VNC
223	VNF			VNF
224	VNR			VNR
225	VSA			VSA
226	VSM			VSM
227	VTH			VTH
228	VTZ			VTZ
229	WCS			WCS
230	WSS			WSS
231	X20			X20

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TP.HCM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1			APH	APH
2			ASP	ASP
3			BMI	BMI
4			CMX	CMX
5			DAH	DAH
6			HAP	HAP
7			PMG	PMG
8			SPM	SPM
9			STG	STG
10	AAA			AAA
11	AAM			AAM
12	ABR			ABR
13	ABT			ABT
14	ACB			ACB
15	ACC			ACC
16	ACG			ACG
17	ACL			ACL
18	ADG			ADG
19	ADP			ADP
20	ADS			ADS
21	AFX			AFX
22	AGG			AGG
23	AGR			AGR
24	ANT			ANT
25	ANV			ANV
26	ASG			ASG
27	ASM			ASM
28	AST			AST
29	BAF			BAF
30	BCM			BCM
31	BFC			BFC

32	BHN			BHN
33	BIC			BIC
34	BID			BID
35	BKG			BKG
36	BMC			BMC
37	BMP			BMP
38	BRC			BRC
39	BSI			BSI
40	BSR			BSR
41	BTP			BTP
42	BTT			BTT
43	BVH			BVH
44	BWE			BWE
45	C32			C32
46	C47			C47
47	CCC			CCC
48	CCI			CCI
49	CCL			CCL
50	CDC			CDC
51	CHP			CHP
52	CII			CII
53	CKG			CKG
54	CLC			CLC
55	CLL			CLL
56	CLW			CLW
57	CMG			CMG
58	CMV			CMV
59	CNG			CNG
60	COM			COM
61	CRC			CRC
62	CRE			CRE
63	CRV			CRV
64	CSM			CSM
65	CSV			CSV
66	CTD			CTD
67	CTF			CTF
68	CTG			CTG
69	CTI			CTI
70	CTR			CTR
71	CTS			CTS
72	CVT			CVT
73	D2D			D2D
74	DAT			DAT
75	DBC			DBC
76	DBD			DBD
77	DBT			DBT
78	DC4			DC4
79	DCL			DCL
80	DCM			DCM
81	DGW			DGW
82	DHA			DHA
83	DHC			DHC
84	DHG			DHG
85	DHM			DHM
86	DIG			DIG
87	DMC			DMC
88	DPG			DPG
89	DPM			DPM
90	DPR			DPR

91	DRC			DRC
92	DRL			DRL
93	DSC			DSC
94	DSE			DSE
95	DSN			DSN
96	DTT			DTT
97	DVP			DVP
98	DXG			DXG
99	DXS			DXS
100	EIB			EIB
101	ELC			ELC
102	EVE			EVE
103	EVF			EVF
104	EVG			EVG
105	FCM			FCM
106	FCN			FCN
107	FDC			FDC
108	FIR			FIR
109	FIT			FIT
110	FMC			FMC
111	FPT			FPT
112	FRT			FRT
113	FTS			FTS
114	GAS			GAS
115	GDT			GDT
116	GEE			GEE
117	GEG			GEG
118	GEL			GEL
119	GEX			GEX
120	GHC			GHC
121	GMD			GMD
122	GMH			GMH
123	GSP			GSP
124	GTA			GTA
125	GVR			GVR
126	HAG			HAG
127	HAH			HAH
128	HAR			HAR
129	HAX			HAX
130	HCD			HCD
131	HCM			HCM
132	HDB			HDB
133	HDC			HDC
134	HDG			HDG
135	HHP			HHP
136	HHS			HHS
137	HHV			HHV
138	HII			HII
139	HMC			HMC
140	HNA			HNA
141	HPA			HPA
142	HPG			HPG
143	HPX			HPX
144	HQC			HQC
145	HRC			HRC
146	HSG			HSG
147	HSL			HSL
148	HT1			HT1
149	HTG			HTG

150	HTI			HTI
151	HTL			HTL
152	HTN			HTN
153	HTV			HTV
154	HU1			HU1
155	HUB			HUB
156	HVH			HVH
157	ICT			ICT
158	IDI			IDI
159	IJC			IJC
160	ILB			ILB
161	IMP			IMP
162	ITC			ITC
163	KBC			KBC
164	KDC			KDC
165	KDH			KDH
166	KHG			KHG
167	KHP			KHP
168	KMR			KMR
169	KOS			KOS
170	KSB			KSB
171	L10			L10
172	LAF			LAF
173	LBM			LBM
174	LCG			LCG
175	LGC			LGC
176	LGL			LGL
177	LHG			LHG
178	LIX			LIX
179	LM8			LM8
180	LPB			LPB
181	LSS			LSS
182	MBB			MBB
183	MCH			MCH
184	MCM			MCM
185	MDG			MDG
186	MIG			MIG
187	MSB			MSB
188	MSH			MSH
189	MSN			MSN
190	MWG			MWG
191	NAB			NAB
192	NAF			NAF
193	NAV			NAV
194	NBB			NBB
195	NCT			NCT
196	NHH			NHH
197	NHT			NHT
198	NKG			NKG
199	NLG			NLG
200	NNC			NNC
201	NO1			NO1
202	NSC			NSC
203	NT2			NT2
204	NTC			NTC
205	NTL			NTL
206	NVL			NVL
207	OCB			OCB
208	OPC			OPC

209	ORS			ORS
210	PAC			PAC
211	PAN			PAN
212	PC1			PC1
213	PDN			PDN
214	PDR			PDR
215	PDV			PDV
216	PET			PET
217	PGC			PGC
218	PGD			PGD
219	PGI			PGI
220	PGV			PGV
221	PHC			PHC
222	PHR			PHR
223	PJT			PJT
224	PLX			PLX
225	PNJ			PNJ
226	POW			POW
227	PPC			PPC
228	PTB			PTB
229	PTC			PTC
230	PVD			PVD
231	PVP			PVP
232	PVT			PVT
233	QCG			QCG
234	QNP			QNP
235	RAL			RAL
236	REE			REE
237	RYG			RYG
238	S4A			S4A
239	SAB			SAB
240	SAM			SAM
241	SAV			SAV
242	SBA			SBA
243	SBG			SBG
244	SBT			SBT
245	SC5			SC5
246	SCR			SCR
247	SCS			SCS
248	SFC			SFC
249	SFG			SFG
250	SFI			SFI
251	SGN			SGN
252	SGR			SGR
253	SGT			SGT
254	SHA			SHA
255	SHB			SHB
256	SHI			SHI
257	SHP			SHP
258	SIP			SIP
259	SJD			SJD
260	SJS			SJS
261	SKG			SKG
262	SMB			SMB
263	SMC			SMC
264	SRC			SRC
265	SRF			SRF
266	SSB			SSB
267	SSC			SSC

268	SSI			SSI
269	STB			STB
270	SVC			SVC
271	SVT			SVT
272	SZC			SZC
273	SZL			SZL
274	TAL			TAL
275	TBC			TBC
276	TCB			TCB
277	TCH			TCH
278	TCI			TCI
279	TCL			TCL
280	TCM			TCM
281	TCO			TCO
282	TCT			TCT
283	TCX			TCX
284	TDC			TDC
285	TDG			TDG
286	TDM			TDM
287	TDP			TDP
288	TDW			TDW
289	TEG			TEG
290	THG			THG
291	TIP			TIP
292	TIX			TIX
293	TLD			TLD
294	TLG			TLG
295	TMP			TMP
296	TMS			TMS
297	TN1			TN1
298	TNI			TNI
299	TNT			TNT
300	TPB			TPB
301	TPC			TPC
302	TRA			TRA
303	TRC			TRC
304	TSA			TSA
305	TTA			TTA
306	TTE			TTE
307	TV2			TV2
308	TVB			TVB
309	TVS			TVS
310	TVT			TVT
311	TYA			TYA
312	UIC			UIC
313	VAB			VAB
314	VCB			VCB
315	VCF			VCF
316	VCG			VCG
317	VCI			VCI
318	VCK			VCK
319	VDP			VDP
320	VDS			VDS
321	VFG			VFG
322	VGC			VGC
323	VHC			VHC
324	VHM			VHM
325	VIB			VIB
326	VIC			VIC

327	VIP			VIP
328	VIX			VIX
329	VJC			VJC
330	VND			VND
331	VNL			VNL
332	VNM			VNM
333	VOS			VOS
334	VPB			VPB
335	VPD			VPD
336	VPI			VPI
337	VPL			VPL
338	VPS			VPS
339	VPX			VPX
340	VRC			VRC
341	VRE			VRE
342	VSC			VSC
343	VSH			VSH
344	VSI			VSI
345	VTO			VTO
346	VTP			VTP
347	VVS			VVS
348	YEG			YEG

Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty:
https://www.eves.com.vn/files/WebFlie/PDF/BCKQ/EVS_BC_Thang_DMChungKhoanGDKQ_Thang10.2026_VNX.pdf
Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.
Kính báo cáo Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Người lập	Kiểm soát	TUQ.Tổng Giám Đốc
(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)
Lê Vũ Thùy Linh	Lê Thị Hòa	GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH Vũ Thị Thanh Hằng